

# KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC THI ĐÚNG PHÁP LUẬT CỦA THỰC TẬP SINH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀ BẢO HỘ THỰC TẬP SINH

Nhóm thực tập sinh pháp luật các thành phố kinh doanh cho người nước ngoài (sau đây gọi là TTKN) và bảo hộ thực tập sinh (sau đây gọi là TTS), Bộ Công Thương người nước ngoài có thành lập viên nhiệm vụ là trưởng lĩnh vực liên quan đến TTS, minh bạch hóa nghĩa vụ của Quốc gia, xây dựng chế độ pháp luật cho Kế hoạch thực tập kinh doanh của TTS và cấp giấy phép cho Tổ chức quản lý TTS.

## **Khái quát pháp luật**

*\* Bộ Tư pháp và Bộ Lao động Phúc lợi Xã hội đồng quản lý*

### **1. Thực thi đúng pháp luật Chế độ thực tập kỹ năng**

- (1) Quy định trình tự cấp giấy phép kinh doanh và nghĩa vụ pháp luật của người bên liên quan, lập Phế phẩm chất lượng liên quan đến TTS (Tiêu chuẩn 3 năm 7)
- (2) Lập chế độ pháp luật cho Kế hoạch TTKN cấp cho người TTS. Xây dựng chế độ tiêu chuẩn chế độ của việc đánh giá sự tiếp thu kiến thức của TTS, lý do không đạt cách nhận chế độ, thu thập các báo cáo, minh bạch chi tiêu, rút giấy phép v.v. (Tiêu chuẩn 8 năm 16)
- (3) Chế độ xin chế độ nhận cho các quan chức kinh doanh TTKN. (Tiêu chuẩn 17 năm 18)
- (4) Quy định về Tổ chức quản lý TTS như là chế độ cấp giấy phép, tiêu chuẩn cấp giấy phép, lý do không đạt cách cấp giấy phép, hình thức phạt tuân thủ, thu thập báo cáo, minh bạch chi tiêu, rút giấy phép. (Tiêu chuẩn 23 năm 45)
- (5) Lập quy định hành vi liên quan đến xâm phạm nhân quyền của TTS, quy định xử phạt nư ớc vi phạm. Xây dựng trang thị trường liên quan đến bảo hộ TTS thực hiện việc thu nhập, cung cấp thông tin cho TTS, liên hệ các bên sản phẩm chuyển TTS in ới khác. (Tiêu chuẩn 46 năm 51)

- (6) Quy định về việc yêu cầu hợp tác của Bộ trưởng quản lý ngành và giám sát các quan chức kinh doanh. Thị trường phi ngành hợp tác pháp luật cho các quan hành chính liên quan cấp giấy pháp luật. (Tiêu chuẩn 53 năm 56)
- (7) Thành lập mới Bộ Công Thương người nước ngoài (Chương 3)  
\* Chế độ pháp luật cho Kế hoạch TTKN tạm thời (Tiêu chuẩn 2) (Tiêu chuẩn 12)  
\* Yêu cầu nộp báo cáo của xí nghiệp tiếp nhận TTS, tổ chức quản lý, năm 10 tra thực tế tạm thời (Tiêu chuẩn 2) (Tiêu chuẩn 14)  
\* Nhận xin cấp giấy phép tiếp nhận TTS tạm thời (Tiêu chuẩn 3) (Tiêu chuẩn 18)  
\* Tiêu chuẩn liên quan đến cấp pháp luật cho Tổ chức quản lý TTS tạm thời (Tiêu chuẩn 4) (Tiêu chuẩn 24).  
Thảo luận và giúp đỡ TTS (Tiêu chuẩn 87)

### **2. Mở rộng chế độ TTKN**

Những xí nghiệp tiếp nhận TTS và Tổ chức quản lý ưu tú sẽ tiếp nhận TTS niên khóa thứ 3 (thực hiện TTKN cho năm thứ 4 năm thứ 5) (Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 9, Tiêu chuẩn 23, 25)

### **3. Ngoài ra**

Thực hiện các cách hành chính liên quan đến việc quy định các quy định pháp luật cho TTS, quản lý xuất nhập cảnh, lưu trú n ớc.

Thị trường chính

Lập ngày 18 tháng 11 năm 2016

Công bố ngày 18 tháng 11 cùng năm

Trong vòng 1 năm kể từ ngày Công bố pháp luật. Tuy nhiên quy định thành lập Bộ Công Thương người nước ngoài có hiệu lực kể từ ngày công bố

NHẪM THỰC THI NGHIỆM TỨC CHẾ ĐỘ VỚI MỤC TIÊU HỢP TÁC “ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC” CHO CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN, ĐẨY MẠNH HÓA HỆ THỐNG QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ BẢO HỘ TTS.

HIỆN TẠI	SAU KHI SỬA ĐỔI
(1) Không có qui định của chính phủ (c quan) về tính quan hệ của các chủ thể trong pháp luật.	(1) Thông qua các văn bản pháp luật của chính phủ (c quan) và Quốc gia có các quan hệ TTS, hợp tác với Chính phủ các nước (c quan) để hình thành các quan hệ pháp luật.
(2) Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổ chức quản lý TTS và xí nghiệp thí nghiệm TTS chưa minh bạch, hệ thống chỉ tiêu TTKN không rõ ràng.	(2) Cho phép gia nhập các Tổ chức quản lý TTS, nộp tiền xin chứng nhận các xí nghiệp thí nghiệm TTS, cấp chứng chỉ cho Kỹ thuật viên chỉ tiêu TTKN cho từng TTS.
(3) Cơ quan dân sự là Tổ chức hợp tác kỹ thuật (JITCO) không có quy định pháp luật về thanh toán.	(3) Lập mô hình Tổ chức TTKN ngoài nước (gia nhập hành nghề). Thực hiện các yêu cầu báo cáo của các Tổ chức quản lý TTS, tiến hành thanh toán.
(4) Hệ thống bảo hộ TTS chưa rõ ràng.	(4) Sửa đổi nội dung pháp luật, nghiên cứu thực hiện các hành vi liên quan xâm phạm nhân quyền. Hỗ trợ thay đổi nội dung pháp luật TTS.
(5) Việc giám sát của các quan hành chính cấp Tỉnh và hệ thống liên lạc chưa rõ ràng.	(5) Thực hiện yêu cầu hợp tác dựa trên các lĩnh vực ngành nghề theo quy định pháp luật về các quan hành chính quản lý cấp địa phương, thành phố. Xây dựng đội ngũ nhân lực pháp luật cơ sở thành lập các quan hành chính. Thi t k và xây dựng Hệ thống giám sát chung, liên lạc.

I M CHÍNH C A CHÍNH SÁCH M R NG IV ICÁC T CH C QU N LÝ TTS U TÚ

(1) Gia hạn thời hạn thanh toán cho Tổ chức quản lý TTS ưu tú.	T 3 n m lên 5 n m (Sau 3 n m tr v n c ng n han, th c t p t i a 2 n m)
(2) Nâng hạn mức số lượng thí nghiệm TTS cho các Tổ chức quản lý TTS ưu tú.	T ng g p ôi h n m c s l ng TTS theo s l ng nhân viên (T i a 5% t ng lên t i a 10%)
(3) Mở rộng thị trường ngành nghề thí nghiệm TTS.	Th ng xuyên bổ sung các ngành nghề thí nghiệm: Ngành nghề c phép thí nghiệm cho riêng từng khu vực, ngành nghề cho riêng xí nghiệp (ki m tra tay ngh t i công ty), trang thi t b ph c v cho th c t p k n ng a ngành nghề .

\*Tổ chức quản lý TTS ưu tú là không vì lợi ích pháp luật, t l thí tay nghề cao, hệ thống chung, th o lu n ph i t yêu cầu nh t nh.

## CƠ CẤU CỦA CHẾ ĐỘ THỰC TẬP KỸ NĂNG (BAO GỒM CẢ NỘI DUNG CỦA CHẾ ĐỘ MỚI)

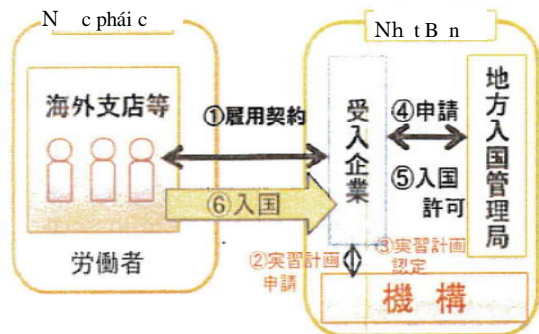
- Chế độ TTKN là chế độ thí nghiệm ngoài doanh nghiệp đang phát triển trong khoảng thời gian ngắn (lưu ý tối đa 5 năm), thông qua OJT chuyển giao kỹ thuật và kỹ năng cho quốc tế. (Chế độ thành lập năm 1993)
- TTS không có thời gian đào tạo sau khi nhập cảnh vào Nhật thì áp dụng theo pháp luật liên quan đến lao động và mối quan hệ lao động. Hiện tại số lượng TTS là 210 nghìn người.

\*Thị trường từ tháng 6 năm 2016

### LOẠI HÌNH THÍ NGHIỆM TTKN THEO CHẾ ĐỘ TTKN

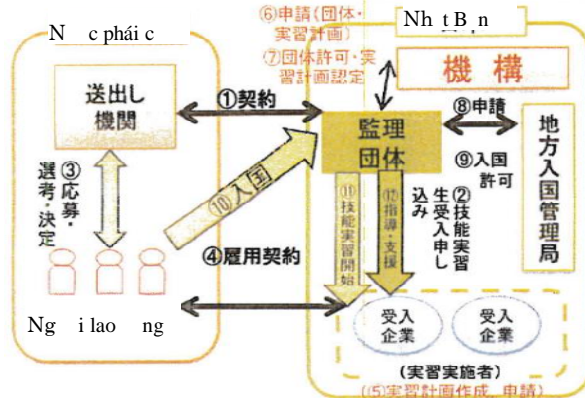
#### <Mô hình doanh nghiệp quản lý độc lập>

Doanh nghiệp Nhật thí nghiệm TTS là người thu cước doanh nghiệp hợp tác, góp vốn, chi nhánh tín dụng ngoài.



#### <Mô hình Tổ chức quản lý TTS>

Tổ chức đoàn thể (Nghị viện nghề nghiệp, Hiệp hội nghề nghiệp) thí nghiệm TTS, TTS thực tập thí nghiệm thành viên.



### QUÁ TRÌNH TTKN

N m 1	Th c t p KN	Th c ào t o	Th c niên khóa 1	<p><b>Đào tạo (học trên lớp)</b> Doanh nghiệp thí nghiệm (theo mô hình công lập) hoặc Tổ chức quản lý TTS ào tạo TTS và nguyên tắc trong 2 tháng (chính là thời gian lao động)</p> <p><b>Thực tập</b> Thực tập thí nghiệm thí nghiệm (theo hợp đồng L)</p> <p>*Mô hình Tổ chức quản lý: Tổ chức nhận thanh tra TTS</p>
N m 2	Th c t p KN	Th c i t p	Th c niên khóa 2	<p>● Thay đổi hoặc xin cấp tư cách lưu trú Tư cách lưu trú: 5TTKN niên khóa 2</p> <p>(1) Điều kiện ngành nghề: ngành nghề quy định theo chỉ định giá kỹ thuật nghiệp vụ, có nhu cầu cần cấp phái cử (Hiện tại có 74 ngành nghề 133 công việc)</p> <p>(2) Điều kiện: Là nhân viên kỹ thuật lý thuyết và thực hành các cấp cao của kỹ thuật nghiệp vụ đánh giá bởi các quan chức thi đánh giá.</p>
N m 3	Th c t p KN	Th c i t p	Th c niên khóa 3	<p>● Thay đổi hoặc xin cấp tư cách lưu trú Tư cách lưu trú: 5TTKN niên khóa 3</p> <p>(1) Điều kiện ngành nghề: ngành nghề chuyển sang niên khóa 2</p> <p>(2) Điều kiện: Là nhân viên kỹ thuật hành nghề cấp 3 của các kỹ thuật nghiệp vụ đánh giá bởi các quan chức thi đánh giá.</p> <p>(3) Tổ chức quản lý TTS, thí nghiệm thí nghiệm: áp dụng ưu đãi nhân lực, các chương trình là tổ chức, thí nghiệm ưu tú.</p>
N m 4	Th c t p KN	Th c i t p	Th c niên khóa 4	<p>● Thay đổi hoặc xin cấp tư cách lưu trú Tư cách lưu trú: 5TTKN niên khóa 4</p>
N m 5	Th c t p KN	Th c i t p	Th c niên khóa 5	<p>● Thay đổi hoặc xin cấp tư cách lưu trú Tư cách lưu trú: 5TTKN niên khóa 5</p>

● Nhập cảnh: Tư cách lưu trú 5TTKN niên khóa 1

Cấp 1 (thi lý thuyết & thực hành)

Cấp 3 (thi thực hành)

Cấp 2 (thi thực hành)

● Nhập cảnh

## CƠ QUAN PHÁI CỬ Ở NƯỚC NGOÀI

### ĐỐI VỚI CƠ QUAN PHÁI CỬ Ở NƯỚC NGOÀI (PHÁP LUẬT ĐIỀU 23 KHOẢN 2)

Ó là c quan áp ng y i u k i n c qui nh t i Pháp l nh hành ngh ký k t v i T ch c qu n lý TTS c a Nh t B n, ng ký tuy n d ng h p pháp liên quan n TTS khi t i p nh n yêu c ut T ch c qu n lý TTS.

### ĐIỀU KIỆN CẦN CỬA CƠ QUAN PHÁI CỬ Ở NƯỚC NGOÀI

- (1) Ph i nh n c gi y gi i thi u c a c quan ch c n ng c a n c s t i, ký k t v i T ch c qu n lý TTS c a Nh t B n t i p nh n yêu c u tuy n TTS h p pháp.
- (2) Ph i hi u rõ m c í ch ch TTS, ch tuy n sinh và l a ch n nh ng ng i mu n TTKN, sau ó a TTS sang Nh t B n.
- (3) Chi phí và các lo i phí khác thu c a TTS ph i qui nh tiêu chu n tính toán minh b ch, công khai cách tính chi phí. Ph i ghi l i b ng v n b n và làm rõ các lo i chi phí liên quan cho TTS bi t và ph i gi i thích cho TTS hi u rõ.
- (4) H tr tìm vi c làm và các tr giúp c n thi t khác cho TTS sau khi k t thúc khóa ào t o v n c TTS phát huy k n ng ã h c.
- (5) H p tác i u tra sau khi TTS v n c, áp ng yêu c u h p tác t B tr ng T pháp, B tr ng Lao ng và Phúc l i Xã h i, T ch c TTKN ng i n c ngoài c a Nh t B n.
- (6) Không ph i ng i thu c di n sau ây: C quan ng s ho c Ban giám c c a c quan ó vi ph m pháp l nh Nh t B n ho c c a n c s t i. T ng có t i n án ho c t i n s b x theo pháp l nh c a n c ngoài, th i gian k t thúc th án ch a quá 5 n m.
- (7) Là c quan c thành l p và ho t ng tuân th theo pháp l nh c a a ph ng ho c c a n c s t i.
- (8) Không c qu n lý t i n b c hay tài s n khác c a TTS ho c gia ình TTS liên quan n TTS c phái c sang Nh t B n, b t k ó là vi c thu t i n m b o hay b t k m c nào khác.
- (9) Không c ký k t h p ng mà trong ó qui nh t i n ph t vi ph m h p ng, thu t i n b t h p pháp hay chuy n giao tài s n khi h p ng liên quan n TTKN không th c hi n c.
- (10) Xác nh n v i TTS không th c hi n các hành vi t i m c (8) và (9) i v i TTS ho c gia ình TTS.
- (11) Không th c hi n hành vi s d ng v n b n gi y t gi m o, làm gi trong vòng 5 n m tr l i ây.
- (12) Ngoài ra, có n ng l c c n thi t ký k t v i T ch c qu n lý TTS c a Nh t B n t i p nh n h p pháp nhu c u tuy n d ng liên quan n TTKN.

### KÝ KẾT THỎA THUẬN GIỮA HAI NƯỚC

Chính ph c a n c phái c xác nh n n i dung c a m c (1) n (12) ghi trên, c p ch ng ch cho C quan phái c h p pháp.

## HỆ THỐNG LOẠI BỎ CÁC CƠ QUAN PHÁI CỬ BẤT HỢP PHÁP (PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CHẾ ĐỘ MỚI)

1. Hi u rõ m c ích ch TTKN
  - a) C quan pháic TTS ch tuy n ch n nh ng ng i hi u rõ m c ích ch TTKN và giao nhi m v cho h (Tham kh o m c (2) ch ng tr c)
  - b) Cho nh ng ng i mu n tr thành TTS vi t b ng v n b n th hi n h ã hi u rõ m c ích ch TTKN. Lúc n p n xin ch ng ch K ho ch th c hi n TTKN ph i n p kèm v n b n ó.
2. V vi c thu ti n m b o, ti n vi ph m h p ng
  - a) C quan pháic có ngh a v xác nh n t TTS vi c không t n t i ti n m b o, ti n vi ph m h p ng (Tham kh o m c (10) ch ng tr c)
  - b) Cho nh ng ng i mu n tr thành TTS vi t b ng v n b n th hi n vi c không thu ti n m b o, ti n vi ph m h p ng (v n b n gi ng v i m c l a) trên). Lúc n p n xin ch ng ch K ho ch th c hi n TTKN ph i n p kèm v n b n ó.
  - c) H p ng gi a T ch c qu n lý TTS và c quan pháic ph i ghi rõ c quan pháic có ngh a v không thu ti n m b o hay ti n vi ph m h p ng (T ch c qu n lý TTS có ngh a v l p h p ng này)
  - d) Xí nghi p ti p nh n TTS ng i n c ngoài và T ch c qu n lý TTS ph i thi t l p h th ng ti p nh n th o lu n t TTS.
  - e) N u c quan pháic TTS thu ti n m b o hay ti n vi ph m h p ng, ngh a là không th c hi n ngh a v m c a) trên thì s m t i u ki n là c quan pháic .
3. V vi c thu phí không úng pháp lu t
  - a) C quan pháic có ngh a v công b công khai tiêu chu n chi phí rõ ràng, gi i thích y n i dung các lo i chi phí cho TTS hi u rõ (tham kh o m c (3) ch ng tr c)
  - b) V n b n ghi rõ n i dung chi ti t chi phí mà ng i mu n tr thành TTS n p cho c quan pháic s ph i n p kèm khi n p n xin ch ng ch K ho ch th c hi n TTKN.
  - c) i u ki n c n xin ch ng ch K ho ch th c hi n TTKN là ng i mu n tr thành TTS sau khi hi u rõ các chi phí và n i dung chi ti t m c a) trên s ký th a thu n ng ý v i c quan pháic . Lúc n p n xin ch ng ch K ho ch th c hi n TTKN ph i n p kèm v n b n ó.
  - d) N u c quan pháic TTS không tuân th m c a) trên, ngh a là thu ti n không minh b ch theo pháp lu t, b xác nh n là có v n b t h p pháp thì s m t i u ki n là c quan pháic .

## ĐỀ ÁN PHƯƠNG CHÂM CƠ BẢN VỀ VIỆC THỰC HIỆN ĐÚNG PHÁP LUẬT TTKN VÀ BẢO HỘ TTS (TÀI LIỆU THAM KHẢO)

### CƠ SỞ PHÁP LUẬT

- Bộ trưởng ngành phải lập qui định cho phương châm cơ bản về việc thực hiện đúng pháp luật TTKN và bảo hộ TTS (Luật TTKN điều 7 khoản 1)
- Các hạng mục đề ra trong Phương châm cơ bản (Luật TTKN điều 7 khoản 2)
  - \* Các hạng mục cơ bản liên quan đến việc thực hiện đúng pháp luật TTKN và bảo hộ TTS.
  - \* Các hạng mục liên quan đến việc lập chính sách thực hiện đúng pháp luật TTKN và bảo hộ TTS.
  - \* Các hạng mục cần lưu ý khi thực hiện đúng pháp luật TTKN và bảo hộ TTS.
  - \* Các hạng mục liên quan đến lĩnh vực phi có kế hoạch chuyển giao kỹ thuật và xúc tiến việc chuyển giao kỹ thuật khác.

### KHÁI QUÁT PHƯƠNG CHÂM CƠ BẢN

Mục có dấu (\*) là hạng mục cần có sự Phê duyệt của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Bộ trưởng.

#### (1) Các hạng mục cơ bản liên quan đến việc thực hiện đúng pháp luật TTKN và bảo hộ TTS

Quá trình soạn thảo Luật TTKN, Khái quát về Luật TTKN, triết lý cơ bản cho TTKN và nghĩa vụ của nhà quản lý liên quan đến TTKN.

#### (2) Các hạng mục liên quan đến việc lập chính sách để thực hiện đúng pháp luật TTKN và bảo hộ TTS

Khoản chi thực hiện TTKN (Mức chi của các phòng ban, nghiên cứu viên, xí nghiệp, đơn vị TTS cho TTS và ngược lại chi trả vì ý nguyện của TTS, nộp tiền xin trích khi TTS và ngược lại chi trả vì các TTKN (\*), v.v.). Xí nghiệp, đơn vị TTS (nộp tiền xin trích, nghiên cứu, thực hiện các chi phí bất chấp pháp luật, tài chính của TTS (\*), nghiên cứu viên, phòng pháp luật và thi gian làm thêm giờ (\*), nghiên cứu viên phân biệt lãi và chi phí của TTS và ngược lại (\*)). Tổ chức quản lý TTS (Mức chi của các phòng ban, pháp luật, hạng mục lưu ý). Tổ chức quản lý TTS và Xí nghiệp, đơn vị TTS ưu tú (Mức chi của việc xây dựng các TTKN niên khóa thứ 3 và mở rộng hình thức sản xuất TTS). Bảo hộ TTS (Tuyên cáo, báo cáo, tiếp nhận thông tin, nêu trong T.H. bất kháng mà TTS xin chuyển nhượng thì phải trả TTS chuyển nhượng thì phải trả (\*), chuyển nhượng thì phải trả khi chuyển nhượng niên khóa thứ 3). Ký kết thỏa thuận mua - Bán (Ký kết với các pháp nhân TTS).

#### (3) Các hạng mục cần lưu ý khi thực hiện đúng pháp luật TTKN và bảo hộ TTS

Xây dựng chính sách và vai trò của Ủy ban, vai trò và nghĩa vụ của Tổ chức TTKN ngoài, liên lạc với Bộ trưởng quản lý ngành, Hội đồng tác khu vực, Thị trường giá cả, ngành tay nghề, thực thi đúng pháp luật TTKN liên quan đến ngành nghề cụ thể (Chính sách ưu đãi thích hợp cho ngành Chăm sóc người cao tuổi (\*)) và bảo hộ TTS.

#### (4) Các hạng mục liên quan đến lĩnh vực phải có kế hoạch chuyển giao kỹ thuật và xúc tiến việc chuyển giao kỹ thuật khác

Làm rõ các lĩnh vực cần chuyển giao kỹ thuật, ưu tiên, thu thập ví dụ điển hình, phân tích, tiếp thu kỹ thuật liên quan đến việc xúc tiến việc chuyển giao kỹ thuật.

#### (5) Ngoài ra

Mbộ TTS lưu trữ pháp luật, xúc tiến TTS song hòa nhập với xã hội pháp luật, liên lạc với các bên liên quan.

## KÝ KẾT THỎA THUẬN VỚI NƯỚC PHÁI CỬ

### HIỆN TẠI

#### VẤN ĐỀ

- Vntnttic quan phái c không hi u rõ m c ích c a ch mà v n tuyền đ ng và l a ch n TTS, có hành vi thu ti n b t h p pháp c a TTS (l y danh ngh a là ti n b o m hay ti n vi ph m h p ng).
- lo i b nh ng c quan phái c b t h p này nh ng l i ch a có ký k t th a thu n c p Nhà n c.

#### THAM KHẢO: THỎA THUẬN KÝ KẾT VỚI

- JITCO ã c l p l p Biên b n th a thu n (R/D)(\*1) v i Chính ph c a n c phái c xác nh n các h ng m c h p tác (\*2) v i m c ích xúc ti n ch TTKN m t cách h p pháp và trôi ch y.

\*1 R/D là t vi t t t c a Record of Discussion. c l p v i 15 Qu c gia. Có 1,198 c quan phái c có ch ng ch hành ngh (Th i i m ngày 15/2/2017)

\*2 Chính ph n c phái c ra qui nh ch ng nh n c quan phái c là h p pháp. N c phái c cung c p thông tin liên quan n xu h ng k thu t. H p tác gì i quy t khi x y ra v n v i TTS.

### CHẾ ĐỘ MỚI

#### PHƯƠNG CHÂM

- D a theo nh ng th a thu n ký k t nh k gi a n c mu n phái c TTS v i n c ti p nh n, v i s h p tác c a n c phái c đ n lo i b nh ng c quan phái c b t h p pháp.

#### NỘI DUNG CHI TIẾT HẠNG MỤC DỰ KIẾN KÝ KẾT THỎA THUẬN

- (1) Chính ph c a n c phái c c p ch ng nh n cho c quan phái c h p pháp.
- (2) Không ch p nh n c quan phái c không c c p ch ng nh n h p pháp t Chính ph c a n c phái c .
- (3) Yêu c u i u tra, ch o giám sát n Chính ph c a n c phái c n u c quan phái c có v n .
- (4) Yêu c u h p tác i u tra theo dõi tình hình chuy n giao k thu t c a TTS sau khi h t h n v n c.
- (5) i phó khi TTS b tr n.

\*Danh sách nh ng c quan phái c c c p ch ng nh n c công b và c p nh t th ng xuyên trên trang web c a JITCO.